

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC TẠI THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

NGUYỄN CẢNH PHÚ - Đại học Y khoa Vinh

TÓM TẮT

Y tế trường học là vấn đề được Đảng, nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Tuy nhiên công tác y tế trường học hiện nay còn nhiều bất cập chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe học sinh. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Đánh giá thực trạng công tác y tế trường học ở thành phố Vinh và kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của y tế trường học. Nghiên cứu được tiến hành năm 2009 - 2010 trên đối tượng là cán bộ y tế trường học và học sinh của 18 trường tiểu học và trung học cơ sở của thành phố Vinh, kết quả cho thấy: Cơ sở vật chất phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe học sinh tại các trường học chưa đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế học đường 100% là cán bộ hợp đồng trong đó chủ yếu là tự hợp đồng với nhà trường, lương thấp và cán bộ không yên tâm làm việc, có sự thay đổi nhân lực thường xuyên vì vậy ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Đáng chú ý có 11,1% số người làm công tác y tế không phải là cán bộ y tế. Tỷ lệ học sinh đóng bảo hiểm còn thấp, đặc biệt ở khu vực ngoại thành ảnh hưởng đến quyền lợi và chất lượng chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Tỷ lệ học sinh bị cận thị, sâu răng và gù vẹo cột sống cao và chưa được quan tâm đúng mức.

Từ khóa: Y tế trường học, thành phố Vinh

SUMMARY

School healthcare is concerned by the Government, Politic party and by society. However, there are limitations on this matter leading to unmeet - needs of pupil health care. Objectives: To assess the healthcare at Primary and secondary school in Vinh city, Nghe An province, and discuss solutions to improve the health care at primary and secondary schools in Vinh city related to above matters. **Study subjects:** Health personels at these schools and Pupils at these schools. **Results:** The health and equipment at primary and secondary schools in Vinh city are not meet the standard criteria. There are limitations on health care personels at these schools. All of health personels are on short contract, receiving low salary, unstable working place. 11% of them did not graduate from medical school. The rate of pupil health insurance is low, especially at suburban areas. The rate of pupils who suffering the school health problems is high and the pupils were not taken care properly.

Keywords: School healthcare, Vinh city

ĐẶT VẤN ĐỀ

Y tế học đường có vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh tuyến ban đầu cho học sinh. Theo mục tiêu chương

trình phòng, chống bệnh, tật trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến năm 2015, nước ta có 60% các trường mầm non (MN), tiểu học (TH), trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT), có phòng y tế và bố trí cán bộ chuyên trách công tác y tế trường học. Việt Nam hiện nay có 20% trong tổng số các trường có phòng y tế, trong đó thấp nhất ở bậc học mẫu giáo 7,2%; cao nhất ở khối đại học, cao đẳng 60,4%. Không chỉ thiếu về cơ sở vật chất, mà đội ngũ cán bộ làm công tác y tế tại các trường cũng rất khiêm tốn. Trong tổng số 32.218 trường học của tất cả các khối học trong cả nước, chỉ có trên 5.346 trường (tỷ lệ 16,6%) có bố trí cán bộ làm công tác y tế tại trường. Đáng nói là, đa số lại không có bằng cấp chuyên môn về y tế và cũng chưa hề được đào tạo về chuyên môn ngành y mà chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm. Theo đó, cán bộ làm công tác y tế học đường được đào tạo đúng chuyên môn: bậc đại học 2%; trung cấp y 51%; chuyên môn khác đảm nhận công tác y tế học đường chiếm tới 47%. Điều đó cho thấy, nhiều nơi công tác về y tế học đường vẫn chưa được đầu tư, quan tâm đúng mức.

Tính đến năm 2010 toàn tỉnh Nghệ An có 1558 trường học từ MN học đến PTTH, với 649.351 học sinh. Số trường có cán bộ y tế chuyên trách, được đào tạo đúng chuyên ngành chiếm tỉ lệ thấp [7]. Như vậy có cả những người có trình độ chuyên môn khác đang công tác trong lĩnh vực kế toán, văn thư, thủ quỹ, giáo viên... được nhà trường giao cho kiêm nhiệm thêm trọng trách làm nhân viên y tế, phụ trách chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu ban đầu cho học sinh toàn trường.

Để nắm bắt thực trạng công tác y tế trường học của thành phố Vinh ở bậc học tiểu học và trung học cơ sở, nhằm đưa ra các kiến nghị để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho học sinh trên địa bàn thành phố Vinh, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải thiện công tác y tế trường học tại thành phố Vinh

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Cán bộ y tế trường học và học sinh của 18 trường tiểu học và trung học cơ sở của thành phố Vinh

2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích
Phương pháp điều tra: Chọn ngẫu nhiên đơn các trường học ở ngoại thành và nội thành: 10 trường tiểu học, 8 trường trung học cơ sở. Tiến hành quan sát đánh giá thực trạng cơ sở vật chất theo các bảng kiểm; điều tra nghiên cứu hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh; phỏng vấn cán bộ lãnh đạo trường học, cán

bộ phụ trách y tế học đường.

Đo độ chiếu sáng và tiếng ồn tại các trường học.

Khám sức khoẻ cho học sinh.

Xử lý số liệu: phần mềm Excel và Epi Infpo 6.4

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

1. Cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động y tế trường học

Bảng 1: Thực trạng về cơ sở vật chất phòng y tế trường học

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trường học có phòng y tế	18	100
2	Phòng y tế có đủ diện tích theo quy định	10	55,6
3	Phòng y tế có giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi	17	94,4
4	Phòng y tế được trang bị đầy đủ các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế	0	0
5	Phòng y tế có đủ tài liệu, phương tiện TT-GDSK	6	33,3
6	Phòng y tế có ghế nha khoa đơn giản	0	0
7	Phòng y tế có bảng thử thị lực	9	50
8	Phòng y tế có kế hoạch hoạt động	18	100
9	Phòng y tế có tủ thuốc	18	100
10	Tủ thuốc có đủ cơ sở thuốc thiết yếu theo quy định	8	44,4

Nhận xét: 100% số trường học có phòng y tế, trong đó có 55,6% trường có diện tích đủ tiêu chuẩn, các trường còn lại phòng y tế còn dùng chung với các phòng chức năng khác. 100% phòng y tế học đường không đủ các trang thiết bị thiết yếu theo. Có tới 77,8% số trường không có góc giáo dục sức khoẻ và thiếu thốn các tài liệu truyền thông giáo dục sức khoẻ cho học sinh, 100% phòng y tế học đường không có ghế nha khoa, 50% phòng y tế học đường không có bảng thử thị lực điều này làm hạn chế lớn việc chăm sóc răng miệng và chăm sóc mắt cho học sinh đặc biệt là tật khúc xạ, một vấn đề đang được xã hội quan tâm. 100% nhà trường có tủ thuốc học đường, tuy nhiên có 55,6% tủ thuốc còn quá sơ sài, không có đủ cơ sở thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ y tế đối với một tủ thuốc học đường.

2. Về quản lý sức khoẻ học sinh

Bảng 2: Thực trạng về quản lý sức khoẻ học sinh

TT	Tiêu chí	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Phòng y tế học đường có sổ quản lý sức khoẻ HS	16	88,9
2	Có sổ khám chữa bệnh cho học sinh	16	88,9
3	Có sổ tuyên truyền - GDSK	0	0
4	Có sổ theo dõi vệ sinh nước uống	0	0
5	Có sổ theo dõi, triển khai các chương trình y tế học đường	14	77,8

Nhận xét: Hầu hết các phòng y tế học đường đều có sổ quản lý sức khoẻ học sinh, tuy nhiên còn thiếu nhiều loại sổ sách phục vụ cho các hoạt động khác của y tế học đường.

3. Về bảo hiểm y tế học sinh

Bảng 3: Tỷ lệ học sinh tham gia BHYT

TT	Khu vực	Tổng số HS (N)	HS tham gia BHYT (N)	Tỷ lệ (%)
1	Nội thành	7083	6005	84,8
2	Ngoại thành	4186	2790	66,7
3	Chung cho cả 2 khu vực	11269	8795	78,0

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế của học sinh khu vực nội thành tương đối cao (84,8%), ngoại thành còn thấp (66,7%) điều này ảnh hưởng nhiều đến kinh phí đảm bảo cho hoạt động của y tế trường học, làm giảm chất lượng chăm sóc sức khoẻ học sinh.

Qua phỏng vấn đội ngũ cán bộ y tế học đường, 88,9% ý kiến cho rằng sử dụng quỹ BHYT học sinh để lại trường và các hình thức đóng góp khác không đủ cho hoạt động y tế tại trường. Trong khi đó kinh phí cho hoạt động y tế học đường hiện nay (từ tiền lương, thuốc men, dụng cụ trang thiết bị y tế, ...) chủ yếu dựa vào nguồn thu này.

4. Về khám sức khoẻ định kỳ, truyền thông - giáo dục sức khoẻ cho học sinh

Bảng 4: Đơn vị khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh

BV tỉnh		TTYT		Trạm y tế		Trường tổ chức	
SL (n)	TL (%)	SL (n)	TL (%)	SL (n)	TL (%)	SL (n)	TL (%)
1	5,6	9	50	6	33,3	2	11,1

Nhận xét: 100% trường học tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh đầu năm học, tuy nhiên phần lớn các trường chỉ tổ chức khám sức khoẻ cho khối học sinh đầu cấp. Không có chương trình khám theo dõi sức khoẻ định kỳ cho tất học sinh qua các năm, điều này dẫn đến tình trạng không phát hiện và theo dõi được tình trạng sức khoẻ, đặc biệt là các bệnh học đường của học sinh sau các năm học, để từ đó có giải pháp phòng ngừa các bệnh tật phổ biến của học sinh. Các đợt khám chữa bệnh có 50% do cán bộ trung tâm y tế Thành phố Vinh khám, 33,3% do cán bộ trạm y tế trên địa bàn khám và có 11,1% do chính cán bộ y tế học đường của nhà trường tự tổ chức khám. Tuy nhiên với điều kiện trang thiết bị còn hạn chế, trình độ chuyên môn không cao, và số lượng học sinh đông nên việc tự tổ chức khám sức khoẻ cho học sinh chưa đảm bảo chất lượng chuyên môn yêu cầu của việc khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh.

5. Nhân lực công tác y tế trường học

Bảng 5: Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế trường học

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bác sỹ	0	0
2	Cao đẳng ĐD	0	0
3	Trung học (ĐD, YS, DS)	16	89,1
4	Khác	2	11,1

Nhận xét: 90% các trường học có cán bộ y tế chuyên trách công tác y tế học đường có trình độ trung học điều dưỡng hoặc y sĩ đa khoa, dược sỹ, y sỹ đông y, có 11,1% là các cán bộ khác. Nhưng qua khảo sát thấy 66,7% số cán bộ không yên tâm công tác vì lý do nhân viên y tế học đường là cán bộ hợp đồng ngắn hạn, thu nhập rất thấp. 40% số cán bộ y tế học đường có thu nhập dưới một triệu đồng/tháng.

6. Kết quả khảo sát điều kiện học tập về chiếu sáng và độ ồn trong lớp học

Bảng 6. Thực trạng về chiếu sáng và độ ồn trong lớp học

TT	Tiêu chí		Số phòng khảo sát	Tỷ lệ % đạt tiêu chuẩn
	Chiếu sáng tự nhiên	Cường độ chiếu sáng		
1		Chiếu sáng đều	216	93,5
			216	78,2
2	Chiếu sáng nhân tạo		216	97,7
3	Độ ồn trong lớp học		216	85,0

Nhận xét: Qua khảo sát chúng tôi thấy cường độ chiếu sáng tự nhiên và độ ồn trong lớp học ở các trường khá tốt, 93,5% số phòng học đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế về cường độ chiếu sáng tự nhiên, 85% số phòng học đạt tiêu chuẩn về độ ồn. Tuy nhiên, có 21,8% không đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế về cường độ chiếu sáng đều trong phòng học.

7. Tỷ lệ một số bệnh học đường

Bảng 7. Tỷ lệ bệnh cận thị, gù vẹo cột sống và sâu răng của học sinh

Bệnh	Cấp học	Nội thành		Ngoại thành		Chung cả 2KV		
		n	%	n	%	n	%	
Cận thị	Tiểu học	121	28,4	36	8,4	157	18,4	$p < 0,05$
	Trung học cơ sở	98	28,3	44	13,0	142	20,7	
	Chung cả 2 cấp học	219	28,4	80	10,4	299	19,4	
Gù vẹo cột sống	Tiểu học	3	0,7	2	0,5	5	0,6	$p < 0,05$
	Trung học cơ sở	5	1,4	21	6,2	26	3,8	
	Chung cả 2 cấp học	8	1,0	23	3,0	31	2,0	
Sâu răng sữa	Chung cả 2 cấp học	381	89,7	341	79,8	722	84,7	$p < 0,05$

Nhận xét: Nghiên cứu mô hình bệnh tật của học sinh Th và THCS cho thấy tỷ lệ mắc các bệnh học đường tương đối cao: Cận thị 19,4%, đặc biệt là sâu răng sữa là 84,7%. Tỷ lệ học sinh THCS bị cận thị cao hơn có ý nghĩa so với học sinh TH. Tỷ lệ học sinh bị cận thị ở khu vực nội thành cao hơn rất nhiều so với học sinh khu vực ngoại thành. Tỷ lệ gù vẹo cột sống ở học sinh TH là rất thấp chỉ 0,6% nhưng ở học sinh THCS tỷ lệ này cao hơn nhiều, đặc biệt là học sinh khu vực ngoại thành chiếm 6,2%. Trong số 852 học sinh TH được khám, phát hiện 722 em bị sâu răng sữa, chiếm tỷ lệ 84,70%. Điều này cho thấy việc phát hiện và điều trị cho hàm răng sữa của trẻ em còn chưa được quan tâm ở các trường được nghiên cứu trên địa bàn thành phố Vinh;

KẾT LUẬN

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác y tế trường học chưa đảm bảo theo qui định.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác YTTH còn thiếu, một số không có chuyên môn ngành y (11,1%) nên hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe, quản lý sức khỏe học sinh chưa cao.

- Các bệnh học đường như cận thị, sâu răng chiếm tỷ lệ cao (19,4% và 84,7%).

KIẾN NGHỊ

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho y tế trường học đảm bảo theo quy định.

- Tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ Y tế trường học được vào biên chế hoặc hợp đồng dài hạn đảm bảo quyền lợi để những người làm công tác YTTH yên tâm công tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tăng cường công tác y tế trong các trường học*, (2007).

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, số: 73/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2007, *Quyết định ban hành Quy định về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học*.

3. Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo, *hướng dẫn thực hiện y tế trường học*, (2000).

4. Bộ Y tế, *Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT về việc ban hành "Quy định về vệ sinh trường học"*

5. UBND tỉnh Nghệ An, số: 497/UBND.VX ngày 24 tháng 01 năm 2008 *V/v Giao tham mưu tổ chức thực hiện QĐ số 73/2007/QĐ-BGDĐT về hoạt động y tế trường học*.

6. Nguyễn Huy Nga và CS, *Thực trạng y tế học đường tại một số trường phổ thông thành phố Hải phòng*, (2001).

7. Trung tâm Y tế dự phòng Nghệ an, *báo cáo công tác y tế trường học năm 2010*.

8. Nguyễn Thu Nhạn, *Nghiên cứu thực trạng sức khỏe mô hình bệnh tật trẻ em Việt nam, đề xuất các biện pháp khắc phục*, (2001).